

“TỨ DIỆU ĐẾ” VÀ VIỆC XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

PHAN THỊ HỘI^(*)

1. Đặt vấn đề

Xã hội hiện đại đang đứng trước các cuộc khủng hoảng giữa các thế hệ, bạo lực gia đình, chiến tranh sắc tộc... Nhiều hội nghị bàn tròn quốc tế được tổ chức để giải quyết những vấn đề nêu trên. Phật giáo là một tôn giáo toàn cầu. Giáo lý của tôn giáo này hướng đến sự lợi lạc và an vui cho xã hội. Vì vậy, Phật giáo không thể bàng quan trước những vấn nạn của con người. Hiện nay, với việc hoàng pháp tại các khu vực trên thế giới, một khía cạnh mới của Phật giáo được tạo dựng, thích hợp với xã hội hiện đại để mọi đối tượng có thể tiếp cận. Phật giáo ứng dụng đã được xem xét và áp dụng cho nhiều thành phần trong xã hội các châu lục. Điều mà các nhà truyền giáo đạo Phật quan tâm nhất hiện nay là việc xây dựng một trật tự đạo đức mới trong xã hội hiện đại. Theo đó, con người là nhân tố chủ thể cấu thành xã hội. Tâm là yếu tố chủ đạo để tạo Nghiệp. Khủng hoảng xã hội xuất phát từ việc con người đi lệch chuẩn quỹ đạo của đạo đức. Xây dựng nền đạo đức mới dựa trên triết lý Phật giáo thực sự cần thiết trong tiến trình phát triển nhân loại ngày nay. Bài viết này, dựa trên nền tảng đạo đức Phật giáo, đặc biệt là triết lý Tứ Diệu Đế, tập trung phân tích nguyên nhân của sự bất hạnh xã hội, từ đó góp phần tìm kiếm

những giá trị hạnh phúc cho con người trong xã hội hiện đại.

2. Quan niệm về đạo đức của Phật giáo

Phủ nhận thuyết Thượng Đế tạo vật, Phật giáo cho rằng, vũ trụ là vô cùng vô tận với hàng ngàn thế giới chia thành 3 cấp độ: Tiểu thiên thế giới, Trung thiên thế giới và Đại thiên thế giới. Thế giới do danh và sắc (vật chất và tinh thần) tạo thành. Con người do 5 yếu tố (Ngũ uẩn: Sắc uẩn, Thụ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn) tạo nên. Thế giới quan của Phật giáo dựa trên thuyết nhân quả.

Theo giáo lý Phật giáo, mọi sự vật, hiện tượng đều có nguyên nhân/nhân, nhân kết hợp với duyên thì sinh ra quả (nhân - duyên - quả), quả lại kết hợp với duyên biến thành nhân và sinh ra quả khác. Cứ thế, mọi sự vật, hiện tượng vận động không ngừng, bất tận. Thế giới là vô thường, vô ngã, bởi lẽ không có gì bất định, vĩnh viễn. Mọi sự vật đều biến đổi, đều trôi đi như dòng sông đang chảy, kể cả linh hồn con người cũng không thể bất tử. Mọi cái chỉ là thoáng qua, tạm thời.

Trên cơ sở quan niệm như vậy, Phật giáo đi sâu giải quyết vấn đề nhân sinh quan. Đây là cơ sở để Phật giáo xây dựng và thực hiện các nguyên tắc đạo đức. Theo đó, “đời người là bể khổ”, nghĩa là

*. Th.S., chùa Bà Nành, Hà Nội.

sự hiện hữu của con người trên thế giới này là khổ. Cái kiếp khổ của con người được Phật giáo thể hiện trong triết lý Tứ Diệu Đế, gồm: Khổ đế là lí luận về Khổ; Tập đế là nguyên nhân của Khổ; Diệt đế là tiêu diệt nguyên nhân của Khổ; Đạo đế là con đường/cách thức tiêu diệt nguyên nhân của Khổ, giải thoát khỏi vòng luân hồi nghiệp báo.

Phật giáo cho rằng, nguyên nhân gây khổ là do con người không hiểu biết (vô minh) về sự vô thường, vô ngã. Vì vô minh, nên con người “ngã chấp”. Vì không hiểu được bản chất của sự vật, hiện tượng, nên con người “vọng tưởng”, bị “khát dục”, “tham ái” dẫn đường một cách mù quáng trong vòng nhân quả của nghiệp, không thể thoát được vòng luân hồi sinh tử.

Đạo đức Phật giáo yêu cầu Giới - Định - Tuệ phải đi liền với nhau, đó là điều kiện tiên quyết để tiêu diệt tham ái, khát dục, ngã chấp, trừ bỏ vọng tưởng, đoạn tuyệt vô minh và đạt giác ngộ. Giải thoát chính là con đường tu dưỡng đạo đức, giữ giới nhiều thì giải thoát nhiều, giữ giới ít thì giải thoát ít. Với những hàng xuất gia của Phật giáo, giới luật (250 giới đối với nam tu sĩ/Tăng, 348 giới đối với nữ tu sĩ/Ni) giúp cho họ vượt qua các giá trị đạo đức thông thường trong xã hội để đạt đến sự lìa bỏ ngã chấp. Với hàng cư sĩ tại gia của Phật giáo, giới luật (ngũ giới, thập thiện giới...) giúp họ đạt tới cuộc sống hòa vui, tránh tạo nghiệp ác, tích lũy nghiệp thiện.

Đối với người thế tục, Phật giáo đưa ra nhiều lời khuyên về đạo đức rất thú vị. Kinh Tạp A Hàm (quyển 4) có ghi lời dạy về “Tứ pháp” của Đức Phật đối với Uất-xà-ca trong việc mưu sinh như sau:

“Một là phương tiện đầy đủ, tức là có nghề nghiệp chính đáng; hai là bảo vệ, giữ gìn đầy đủ, tức không để mất mát, thất thoát thành quả sức lao động; ba là thiện tri thức, tức là có hiểu biết đúng đắn về các việc thiện và tránh các việc bất thiện trong làm ăn; bốn là chính mệnh đầy đủ, tức là biết làm chủ cuộc sống, không lãng phí, không bủn xỉn, biết làm phúc và cúng dường, biết chăm nom cuộc sống cho quỵئن thuộc, biết tích lũy cho đời nay và chuẩn bị cho đời sau...”. Hoặc bài luận lí “Lục phương lễ” (phép tắc đối xử giữa người với người) mà Đức Phật dạy cho Thiện Sinh: “Phương Đông là cha mẹ, Phương Nam là anh em, Phương Tây là vợ con, Phương Bắc là bạn, phía dưới là nô bộc, phía trên là vị thầy tôn giáo. Các quan hệ phải có hai chiều cân đối, cùng tôn trọng nhau, vừa có nghĩa vụ, vừa có quyền lợi, không thể thiên lệch phiến diện”.

Có thể nói, đạo đức Phật giáo là một hệ đạo đức xuất thế. Giá trị đạo đức Phật giáo thiên về nội tâm, phản tỉnh hơn là xử lí các quan hệ bề ngoài. Cho nên, Phật giáo phát huy tối đa tính tự chủ cá nhân trong việc thực hành các quy tắc đạo đức. Sự phán xét của đạo đức là nghiệp báo, nghiệp quả điều chỉnh đạo đức của mỗi người theo quy luật nhân quả. Đặc biệt hơn, việc không thừa nhận sự sáng tạo thế giới vũ trụ và vạn vật của Thượng Đế, nên theo Phật giáo, mọi giá trị luân lí, đạo đức đều diễn ra trong thế giới nhân sinh chứ không phải do một thế lực siêu nhiên nào chi phối.

Phật giáo với các chuẩn tắc đạo đức nhân văn về đời sống con người có vai trò không nhỏ trong đời sống xã hội với nhiều quan hệ ngang bằng và trên dưới.

Đặc biệt, trong xã hội ngày nay, nền kinh tế thị trường phát triển đã làm cho không ít người cuốn lao theo vòng xoáy của đồng tiền mà lãng quên đi các quy tắc xử sự, thì Phật giáo với những giá trị đạo đức của mình có thể xem như một chiếc gương sáng về giá trị nhân sinh để mỗi người soi mình vào đó và nhận chân được giá trị đích thực trong quãng đời ngắn ngủi trong thế giới này

3. Tứ Diệu Đế trong việc xây dựng đạo đức hiện nay

Cốt lõi giáo huấn của Đức Phật là Tứ Diệu Đế. Triết lí Tứ Diệu Đế trình bày về căn nguyên, sự kết tập và con đường giải thoát khổ não là cách tốt nhất để mỗi người qua đó thực tập một lối sống lành mạnh theo đạo đức Phật giáo. Đây là những lí giải về nguồn gốc khổ đau, khả năng và con đường/cách thức chấm dứt khổ đau đối với bản thân mình và người khác.

Triết lí Tứ Diệu Đế đặt nền tảng trong kinh nghiệm của con người. Nền tảng sự tồn tại của con người là khát vọng căn bản cho sự tìm cầu hạnh phúc và tránh xa khổ đau. Hạnh phúc mà con người khao khát và khổ đau mà con người lảng tránh là kết quả của nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên). Sự thấu hiểu cơ cấu nhân quả của khổ đau và hạnh phúc là những gì mà triết lí Tứ Diệu Đế đề cập đến. Để thấu hiểu cơ cấu này, đạo Phật phân tích những khả năng đa dạng của nhân quả. Thí dụ, giáo lí nhà Phật phủ nhận các biện luận rằng những trải nghiệm của con người về khổ đau và hạnh phúc xảy ra mà không có nguyên nhân nào; được tạo nên bởi một thần thánh siêu nhiên; khả năng của một nguyên lí cơ bản về một loại vật chất

nguyên sơ có thể là căn nguyên cho nguồn gốc tất cả mọi sự vật, hiện tượng... Phủ nhận những khả năng siêu hình này, giáo lí nhà Phật giải thích tiến trình nhân quả trong dạng thức của cội nguồn tương liên duyên khởi. Việc trải nghiệm khổ đau và hạnh phúc của con người không phải hình thành bởi chính chúng hay bởi những nguyên nhân hiện hữu một cách độc lập, cũng không phải bởi sự phối hợp của những thứ này. Theo Phật giáo, sự khổ đau và hạnh phúc của con người là kết quả của tiến trình tương liên duyên khởi - sự gặp gỡ của vô số nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên). Nhận thức căn bản mà con người tìm thấy là tầm quan trọng bậc nhất của sự hiểu biết, đóng vai trò quyết định trong kinh nghiệm của con người về khổ đau và hạnh phúc.

Đạo Phật cho rằng, về bản chất tự nhiên, khổ đau có những mức độ khác nhau. Trong một ý nghĩa nào đó, có thể nói, khổ đau là thực tế sự hiện hữu của con người như những chúng sinh bất giác, những kẻ là đối tượng của các cảm xúc, tư tưởng tiêu cực và hành động nghiệp báo. Chính sự hiện hữu của chúng sinh gắn chặt với những cảm xúc và nghiệp báo tiêu cực là nguyên nhân của khổ đau và là nguồn cội của bất toại ý.

Nhìn vào những loại khổ đau, có thể thấy, tất cả chúng đặt nền tảng trong thể trạng tâm thức của con người. Những vọng tưởng đã thúc đẩy việc hành động tiêu cực là những thể trạng của tâm thức, những thể trạng tư tưởng vượt ngoài sự kiểm soát của con người. Do vậy, liên hệ đến chân lí về nguồn gốc của khổ đau (Tập đế), Đức Phật nói về tình trạng vô kỉ luật và chưa thuần hóa của tâm thức

đã làm sinh khởi một thể trạng bất giác và khổ đau. Một cách cơ bản, cội nguồn của khổ đau và chính khổ đau chỉ có thể được thấu hiểu qua dạng thức của một thể trạng tâm thức. Giáo huấn của Đức Phật diễn tả sự chấm dứt của khổ đau (Diệt đế) như thể trạng tối thượng của hạnh phúc. Đó là sự tự do hoàn toàn khỏi khổ đau và vọng tưởng. Đây là một phẩm chất tinh thần, một thể trạng của tâm thức. Do đó, con người phải thấu hiểu bản chất tự nhiên của tâm thức.

Đạo Phật nói về chân lí của con đường chấm dứt khổ đau (Đạo đế) là nói về những trình độ khác nhau của tâm thức, những mức độ đa dạng của sự thân chứng. Vì thế, để thấu hiểu Tứ Diệu Đế, con người phải thấu hiểu vai trò chính yếu mà tâm thức/sự nhận biết hoạt động trong sự quyết định kinh nghiệm của con người về khổ não. Điều này do sự vô minh quyết định. Nhưng vô minh có nhiều cấp độ khác nhau, nên hệ quả của chúng cũng khác nhau.

Ở cấp độ thấp nhất, vô minh là sự ngu muội không biết được tốt - xấu, không phân biệt được hữu ích - bất lợi. Những kẻ trộm cướp, giết người, tà gian, dâm dật vô độ... đều bị khống chế, dẫn dắt bởi cấp độ này của vô minh. Những đối tượng nêu trên thực hiện nhiều hành động bất thiện, trái pháp luật, đáng bị lên án vì họ nghĩ rằng có thể tìm được lạc thú, hay thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn một cách nhanh chóng. Lầm tưởng có thể thoát khỏi hậu quả của những hành động tội tệ, nên họ cứ làm tới mà không cảm thấy sợ hãi hay hổ thẹn. Phật học gọi đó là vô minh làm duyên cho bất thiện hành.

Bất thiện hành (những hành động bất chính) có những cấp độ khác nhau, từ lộ liễu đến tinh vi. Hầu hết mọi người trong xã hội đều thấy trộm cướp, giết người, đàng điếm, bài bạc, nghiện ngập... là xấu ác, bất thiện và đáng bị nguyên rủa, đáng bị trừng phạt trong mọi xã hội. Nhưng nhiều người vẫn ngu muội, có những suy nghĩ, lời nói và hành động xấu xa là do tâm bất thiện xui khiến. Những bất thiện tâm này, theo giáo lí Phật giáo, đều xuất phát từ vô minh. Vì không tin vào nhân quả thiện ác, nhiều người không biết hoặc không tin rằng những hành động bất chính của họ sẽ mang lại những hậu quả tai hại trước mắt cũng như lâu dài.

Ở mức độ trung bình, vô minh là sự không thấu hiểu cội rễ của các hành (pháp hữu vi, pháp được tạo thành, pháp được cấu tạo). Có hai loại hành là thiện hành và ác hành. Thiện hành là những hành động, nói năng, suy nghĩ một cách thiện xảo và chín chắn đưa lại lợi ích cho bản thân mình, cho người khác, hay cho cả hai. Bất thiện hành là những hành động, nói năng, suy nghĩ thiếu khôn ngoan và thiếu sáng suốt dẫn đến hại bản thân mình, hại người khác, hay hại cả hai. Những người này khi thì nói năng tốt, cư xử khôn ngoan khiến được lợi ích và ca ngợi, khi thì ngược lại khiến hại mình, hại người. Nguyên nhân nhiều người có những lời nói và hành xử bất nhất vì họ không có khả năng nhìn nhận và suy tư một cách sáng suốt, sâu sắc; bị ảnh hưởng bởi những người quanh họ, bởi sự tuyên truyền quảng cáo, bởi vẻ bên ngoài, không thấy được thực chất bên trong.

Trong môi trường lạnh mạnh và được giáo dục chu đáo, những người này trở thành người khả kính và đáng yêu. Nhưng trong môi trường thiếu lạnh mạnh hay trong hoàn cảnh khó khăn, họ có thể làm điều ác, miễn sao tạm thời thoát khỏi tình trạng túng quẫn, mà không nghĩ đến hậu quả xấu có thể đối mặt trong tương lai. Khi thiện ác, khi xấu tốt bất nhất như vậy, nên đời sống của những người này là sự đắp đổi giữa hạnh phúc và khổ đau. Mặc dù ít nhiều hiểu biết tốt và xấu, lợi ích và bất lợi, nhưng họ thường chỉ thấy hiện tượng mà không thấy bản chất của vấn đề.

Với Phật giáo, mọi ý tưởng hay tư tưởng xuất phát từ vô minh, dù mới hình thành hay đã tập nhiễm thói đời đều có khả năng đẩy con người tới hành động bất thiện và phi nhân bản. Nói cách khác, mọi tư tưởng hay ý tưởng khiến con người đối xử tồi tệ với nhau đều bắt nguồn từ vô minh. Ở cấp độ này, vô minh là sự thiếu hiểu biết về những chân lý trong Tứ Diệu Đế và Tam Pháp ấn. Vì vô minh, con người không thấy bản chất của đời sống vốn không toại nguyện.

Đức Phật không phủ nhận hạnh phúc của thế gian, nhưng Ngài hướng con người đến một cái nhìn sâu xa hơn, đó là những gì đi kèm với cái mà con người gọi là hạnh phúc và toại nguyện trong đời. Những đổi thay của thiên nhiên, của thời cuộc, của lòng người khiến mọi sự vật, hiện tượng, tình cảm và mối quan hệ trở nên không bền vững. Khi những đổi thay theo chiều hướng như mong muốn, con người nuôi hi vọng và ít nhiều cảm thấy thỏa mãn với đời sống. Khi những đổi thay không như mong cầu, con người thất vọng, đau khổ và bất mãn. Chính vì

thế, con người luôn chìm đắm trong vô minh khổ não.

Theo giáo lý nhà Phật, mọi người sinh ra đều bình đẳng trước đau khổ. Đau khổ là hệ quả của việc không chịu chấp nhận sự đổi thay tất yếu. Đối diện với thực tế không như ý, nhiều người đã mất phương hướng và mất niềm tin, thậm chí chọn biện pháp tự tử để kết thúc một cuộc đời vô nghĩa. Sự thất vọng và bất mãn có nguồn gốc từ việc bám níu, thủ giữ vào những giá trị, chuẩn mực định sẵn trong đầu những ai thiếu thực tế. Đau khổ vì phản ứng một cách thiếu sáng suốt trước những đổi thay bất ngờ có thể gây ra một chuỗi sự kiện không kiểm soát được. Đau khổ vì những sai lầm đã qua, vì những hậu quả tai hại trong hiện tại, vì không biết điều gì sẽ đến ngày mai. Bản chất của cuộc đời là bất toại nguyện. Cho dù con người có nhận ra điều đó hay không thì chân lý này không thay đổi. Vô minh, trong quan điểm của nhà Phật, không phải bao giờ cũng dẫn đến bất thiện hành. Ở đây, vô minh là việc con người không thấy nguy hiểm trong sinh tử, cho nên họ đắm nhiễm và thỏa thích trong bất cứ cảnh giới nào mà họ đã được sinh ra.

Vô minh khiến con người có những phản ứng cực đoan vì tin tưởng rằng những giá trị mà mình đang nắm giữ là giá trị chuẩn mực duy nhất. Chiến tranh, giết chóc, tàn sát và nhiều hành động bất nhân khác đều có thể tìm thấy nguồn cội trong vô minh. Vô minh và thủ giữ dẫn con người đến thái độ thiếu khoan hòa, thiếu bao dung và phi nhân bản. Vô minh làm cho con người chỉ thấy những giá trị giả danh, tạm bợ và phiến diện mà không thấy được bản chất thực sự

của hiện hữu hay mối tương quan, tương duyên của các hiện hữu. Ở cấp độ này, vô minh được gọi là kiến chấp. Từ sự nhận thức hẹp hòi do đã bị điều kiện hóa, nhiều người đã phá, triệt tiêu những gì không đồng quan điểm, không đồng giá trị. Những cuộc chiến tranh liên quan đến yếu tố tôn giáo, những xung đột chính trị thường bắt nguồn từ kiến chấp.

Ở mức độ vi tế hơn, vô minh chính là ngã chấp. Tại sao có những yêu - ghét, thương - thù, thích - không thích? Đó chính là vì có ta, có người. Những gì thuộc về ta thì thương yêu, gần gũi, những gì thuộc về người thì xa lạ, dè bủ. Con người thường thiên vị những gì mà chúng ta thương yêu, thành kiến với những gì mà chúng ta không ưa. Nhận thức về cái Ta tồn tại độc lập và tách biệt, đặc biệt với những gì không phải là Ta, khiến con người có những yêu ghét và sợ hãi phát sinh từ những yêu ghét đó. Trong triết lí Tứ Diệu Đế, vòng quay bất tận này làm thành Khổ đế và Tập đế.

Đức Phật đã thấy rõ bệnh của con người. Theo Ngài, Khổ đế là triệu chứng của bệnh; Tập đế là nguyên nhân của bệnh; Diệt đế là sự vắng bóng những nguyên nhân và triệu chứng đó; Đạo đế là phương cách để chuyển hóa, loại trừ các nguyên nhân và triệu chứng của bệnh. Như vậy, Tứ Diệu Đế là một phát hiện thực tế, logic và tuyệt vời nhất trong những khám phá về con người và cuộc sống. Xung đột, vấp ngã và khổ đau là những bài học để con người trưởng thành và trở nên nhân hậu hơn trước cuộc sống. Những kinh nghiệm sống mà con người đã qua, đang trải nghiệm và sẽ gặp trong đời không phải là những thưởng phạt của một Đấng Toàn Năng nào cả, mà được tạo ra bởi chính con người

trước các tình huống thực tế của cuộc sống. Theo đạo Phật, mỗi người là vị kiến trúc sư của chính cuộc đời mình. Nếu con người phản ứng tiêu cực thì tình huống sẽ tồi tệ hơn, cuộc sống sẽ đi xuống. Nếu con người phản ứng tích cực thì tình huống sẽ được cải thiện, cuộc đời sẽ ngày càng tốt đẹp hơn. Ở một mức độ nào đó, con người có quyền lựa chọn một cách sống tốt nhất cho chính mình, một hướng đi cho đời mình. Những gì chúng ta đang làm trong hiện tại quyết định tương lai của chúng ta. Những gì mà chúng ta đang trải qua trong hiện tại là kết quả của những tạo tác của chúng ta trong quá khứ. Như vậy, cuộc đời vốn công bằng, không thiên vị. Đó là quy luật của nghiệp quả, một trong năm quy luật điều động sự vận hành của cuộc sống.

4. Kết luận

Cuộc sống của con người ngày nay đang phải đối diện với nhiều xung đột mà nguyên nhân của nó chính là những ích kỉ, cá nhân, vô minh, cục bộ. Thế giới rất cần một nền trật tự đạo đức mới dựa trên lí tưởng nhân văn chủ nghĩa. Đạo Phật là một hệ thống tư tưởng vì con người, lấy con người làm tâm điểm. Vì thế, giáo lí của đạo Phật không nằm ngoài mục đích đem lại an vui, lợi lạc cho con người. Tư tưởng của đạo Phật rộng lớn, nhưng tựu trung lại nhằm xây dựng một xã hội không có sầu bi, khổ não. Nền đạo đức Phật giáo dựa trên triết lí Tứ Diệu Đế ngày càng được đưa vào ứng dụng trong xã hội, đặc biệt ở các nước phát triển Phương Tây hiện nay, nhằm đem lại những nhận thức mới, chân thật, khách quan về bản chất cuộc sống. Nhận thức cuộc sống một cách đúng đắn và bằng con mắt trí tuệ sẽ xây dựng được một thế giới an vui, hạnh phúc./.